

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-8-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lợi
2. Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc “ Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Đình P; nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Ngô Thị M; nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là ông Đặng Đình P trình bày:

Ông và bà Ngô Thị M được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 1993 cho đến ngày 31 tháng 01 năm 2011 hai bên mới đến UBND Thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sinh sống tại

huyện Thanh Miện mấy năm, từ năm 2018 hai bên chuyển đến mua đất làm nhà tại Thôn C, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng sinh sống đến nay. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung, từ đó cuộc sống không có hạnh phúc. Bản thân ông đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng hai bên không cải thiện được. Mâu thuẫn của ông bà đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên ông và bà M đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi gần một năm nay, không còn quan tâm và có trách nhiệm gì đến nhau nữa. Thời gian vừa qua được sự động viên của Tòa án ông đã quay về nhà chung sống với bà M nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thay đổi càng nghiêm trọng hơn hai bên sảy ra cãi vã, xúc phạm nhau nên ông tiếp tục chuyển đến nơi khác sống.

Quá trình giải quyết của Tòa án bà M đề nghị Tòa án hòa giải cho ông bà đoàn tụ ông không chấp nhận vì vợ chồng không còn tình cảm, hai bên không còn sự tôn trọng thương yêu nhau ông không thể tiếp tục chung sống với bà M, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục mâu thuẫn đoàn tụ, hôn nhân không có hạnh phúc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ngô Thị M.

Về con chung: Ông Đặng Đình P và bà Ngô Thị M có 02 con chung là Đặng Thị O, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1995 và Đặng Đình P, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2000. Ly hôn do các con chung đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Ông Đặng Đình P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Ngô Thị M vắng mặt tại phiên tòa, quá trình tố tụng bị đơn là bà M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị M xác định lời trình bày của ông Đặng Đình P về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng là đầy đủ, chính xác. Nay ông P yêu cầu xin ly hôn với bà lý do không còn tình cảm, bà không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải cho bà và ông P đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng giữa hai bên vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng có thể khắc phục đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông P có quay về nhà chung sống với bà nhưng hai bên tiếp tục va chạm, ông P đánh bà và chuyển đi nơi khác sinh sống.

Về con chung: Bà Ngô Thị M xác định bà và ông Đặng Đình P có hai con chung họ tên ngày tháng năm sinh của con chung ông P trình bày là đúng sự thật. Do các con chung của ông bà đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Bà Ngô Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự: Vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho ông Đặng Đình P được ly hôn bà Ngô Thị M. Về con chung: Các con chung của ông P bà M đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông Đặng Đình P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của nguyên đơn ông Đặng Đình P và bị đơn bà Ngô Thị M:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đặng Đình P và bà Ngô Thị M theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa còn bà M vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, các điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đặng Đình P, bà Ngô Thị M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của ông Đặng Đình P, bà Ngô Thị M về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, không tôn trọng và tin tưởng nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được.

Quá trình giải quyết vụ án, ông P xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ, ông không thể tiếp tục chung sống với bà M đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M còn bà M có quan điểm đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ vì bà vẫn còn tình cảm với ông P. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên, tìm cách khắc phục mâu thuẫn cho hai bên nhưng mâu thuẫn hai bên không thay đổi càng nghiêm trọng hơn. Bản thân ông P vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà M do ông không còn tình cảm vợ chồng với bà M, hai bên không thể khắc phục mâu thuẫn đoàn tụ vợ chồng, hôn nhân không có hạnh phúc.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa ông Đặng Đình P và bà Ngô Thị M đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân,

tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của ông P đối với bà M là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho ông Đặng Đình P được ly hôn bà Ngô Thị M.

[3] Về con chung: Ông Đặng Đình P và bà Ngô Thị M 02 con chung là Đặng Thị O, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1995 và Đặng Đình P, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2000. Do các con chung của ông P, bà M đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Đặng Đình P và bà Ngô Thị M đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Ông Đặng Đình P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Ông Đặng Đình P và bà Ngô Thị M có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Đình P được ly hôn bà Ngô Thị M.
2. Về án phí: Ông Đặng Đình P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn ông P đã nộp (Biên lai thu tiền số 0012595 ngày 21 tháng 5 năm 2020) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Ông Đặng Đình P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Đình P, bà Ngô Thị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- UBND Thị trấn Thanh Miện (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuấn Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND TT An Dương, An Dương, HP
(nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

